

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2026/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi,
hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

Xét Tờ trình số 927/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-HĐND ngày

28 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các tổ chức, cá nhân có liên quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quy định cụ thể nội dung chi và mức chi

1. Mức tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại các kỳ thi cấp trung học phổ thông: thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC: thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (bao gồm thi thử, đánh giá năng lực (nếu có)), ngày hội, hội thao, hội khỏe, giải thể thao các cấp, đánh giá diện rộng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi các cấp, dự thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC (trừ các nội dung chi, mức chi đã quy định tại Phụ lục I khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này): thực hiện theo Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

3. Chi phí thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (bao gồm thi thử, đánh giá năng lực (nếu có)), ngày hội; hội thao, hội khỏe, giải thể thao các cấp (bao gồm: Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, giải thể thao, Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh, Hội thao các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các hoạt động thể thao phối hợp cùng các tổ chức Đoàn thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt), đánh giá diện rộng; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các đội tuyển dự thi các cấp, dự thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia, dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

4. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi tiền đi lại của chuyên gia, những người tham gia công tác tổ chức thi, ra đề thi, in sao đề thi, coi thi và chấm thi (làm phách, chấm thi, phúc khảo, thẩm định), giáo viên (nếu có); chi tiền ở, tiền ăn, tiền đi lại cho học sinh, giáo viên tham gia các đội tuyển trong quá trình tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển dự thi cấp quốc gia, Olympic khu vực và quốc tế, các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, ngày hội, hội thao, hội khỏe, giải thể thao các cấp (bao gồm: Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, giải thể thao, Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh, Hội thao các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các hoạt động thể thao phối hợp cùng các tổ chức Đoàn thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi tiền giải khát giữa giờ, chi tiền ăn cho học sinh tham gia các đội tuyển trong quá trình tập huấn, bồi dưỡng dự thi học sinh giỏi các cấp, dự thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; chi tiền giải khát giữa giờ cho học sinh tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp, chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, Ban/Tổ làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly:

a) Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly mức chi bằng 150% mức chi quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

b) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, biểu mẫu, tài liệu phục vụ chấm thi, làm phách) mức chi quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

6. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ, tiền ở cho những người tham gia công tác tổ chức thi, ra đề thi, in sao đề thi, coi thi và chấm thi (làm phách, chấm thi, phúc khảo, thẩm định), giáo viên (nếu có), các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (bao gồm thi thử, đánh giá năng lực (nếu có)), ngày hội, hội thao, hội khỏe, giải thể thao các cấp (bao gồm: Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, giải thể thao, Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh, Hội thao các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các hoạt động thể thao phối hợp cùng các tổ chức Đoàn thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt), đánh giá năng lực trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo các cấp; chi tiền ăn cho học sinh, giáo viên tham gia các đội tuyển trong quá trình tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển dự thi cấp quốc gia, dự thi Olympic khu vực và quốc tế, dự thi học sinh giỏi các cấp, dự thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia, các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, ngày hội, hội thao, hội khỏe, giải thể thao các cấp; chi tiền ăn, tiền ở, tiền đi lại cho học sinh tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp, chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, Olympic khu vực và quốc tế, các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, ngày hội, hội thao, hội khỏe, giải thể thao các cấp: mức chi quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

7. Chi tiền công thuê chuyên gia giảng dạy lớp tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển dự thi cấp quốc gia, Olympic khu vực và quốc tế (*đội tuyển chính thức*): thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (cũ) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND.

8. Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo, dạy nghề theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, GDĐT;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBNDTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBNDTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Ngô Chí Cường

Phụ lục I

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG: THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG; THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP QUỐC GIA; TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI DỰ THI CẤP QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất
				(ĐVT: 1.000đồng)
		1. Ban Chỉ đạo thi		
		- Trưởng ban	người/ngày	400
		- Phó Trưởng ban	người/ngày	380
		- Ủy viên, thư ký	người/ngày	360
		- Phục vụ	người/ngày	150
		2. Hội đồng thi		
		- Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	380
		- Phó Chủ tịch	người/ngày	360
		- Ủy viên	người/ngày	340
		3. Hội đồng/Ban in sao đề thi		
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	người/ngày	380
		- PCT Hội đồng/Phó Trưởng ban	người/ngày	340
		- Ủy viên, thư ký, công an, lực lượng cơ yếu làm việc cách ly (vòng trong)	người/ngày	290
- Bảo vệ, phục vụ làm việc cách ly (vòng trong); Ủy viên, thư ký vòng ngoài	người/ngày	290		
- Phục vụ, công an, y tế, bảo vệ vòng ngoài	người/ngày	150		

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất
				(ĐVT: 1.000đồng)
1	Tốt nghiệp trung học phổ thông	4. Ban Thư ký		
		- Trưởng ban	người/ngày	380
		- Phó Trưởng ban	người/ngày	340
		- Ủy viên	người/ngày	290
		5. Ban vận chuyển, bàn giao đề thi; thu bài thi, hồ sơ thi		
		- Trưởng ban	người/ngày	380
		- Ủy viên, thư ký, công an	người/ngày	340
		6. Hội đồng/Ban Coi thi/Điểm thi		
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban/Trưởng điểm	người/ngày	380
		- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban/ Phó Trưởng điểm	người/ngày	340
		- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát, công an	người/ngày	290
		- Bảo vệ, phục vụ, y tế, trật tự viên	người/ngày	150
		- Lãnh đạo Điểm thi, Công an trực đêm	người/đêm	150
		7. Ban/Tổ làm phách		
		- Trưởng ban/Tổ trưởng	người/ngày	380
		- Phó Trưởng ban/Tổ phó	người/ngày	340
		- Ủy viên, thư ký	người/ngày	290
		- Công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	người/ngày	290
		- Phục vụ, y tế, công an và bảo vệ vòng ngoài	người/ngày	150

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất
				(ĐVT: 1.000đồng)
		Công an trực đêm	người/đêm	150
		8. Hội đồng/Ban chấm thi		
		Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	380
		Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	người/ngày	340
		- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám sát, công an giám sát	người/ngày	290
		- Chấm bài (tự luận, trắc nghiệm), chấm kiểm tra tự luận	người/ngày	530
		- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	người/đợt	300
		- Thư ký, công an trực đêm	người/đêm	150
		- Phục vụ, bảo vệ, y tế, công an	người/ngày	150
		- Công an bảo vệ bài thi sau khi chấm thi xong đến khi phúc khảo bài thi	người/ngày	150
		9. Hội đồng/Ban phúc khảo		
		Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	380
		Phó chủ tịch/ Phó trưởng ban	người/ngày	340
		- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám sát, công an giám sát	người/ngày	290
		- Chấm bài (tự luận, trắc nghiệm)	người/ngày	530
		- Thư ký, công an trực đêm	người/đêm	150
		- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	người/đợt	300
		- Phục vụ, bảo vệ, y tế, công an	người/ngày	150
		10. Hội đồng xét tốt nghiệp		



Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất
				(ĐVT: 1.000đồng)
		- Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	380
		- Phó Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	340
		- Ủy viên, thư ký	người/ngày	290
		11. Tiền công chi cho công tác kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi thi		
		- Trưởng đoàn/ Tổ trưởng	người/ngày	380
		- Phó trưởng đoàn/ Tổ phó	người/ngày	340
		- Thành viên, thư ký	người/ngày	290
		1. Hội đồng/Ban Coi thi		
		- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	người/ngày	380
		- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	người/ngày	340
		- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát, bộ phận kỹ thuật, công an	người/ngày	290
		- Bảo vệ, y tế, phục vụ	người/ngày	150
		- Lãnh đạo Hội đồng/Ban, công an trực đêm	người/đêm	150
		2. Tiền công tập huấn, bồi dưỡng các đội tuyển dự thi kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, Olympic quốc tế và khu vực		
		- Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	người/ngày	340
		- Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Tiết	500
		- Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Tiết	500
		- Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Tiết	290

Số TT	Tên kỳ thi	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất
				(ĐVT: 1.000đồng)
2	Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	3. Tiền ăn, giải khát giữa giờ cho học sinh tham gia dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; tham gia tập huấn, bồi dưỡng trong đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, Olympic quốc tế và khu vực		
		- Tiền ăn	người/ngày	200
		- Giải khát giữa giờ	người/buổi	50
		4. Hội đồng/Ban in sao đề thi kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (nhận đề qua Ban Cơ yếu chính phủ, Tỉnh tổ chức in sao đề)		
		- Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	380
		- Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	người/ngày	340
		- Thành viên vận chuyển đề thi	người/ngày	340
		- Ủy viên, thư ký, công an, lực lượng cơ yếu cách ly (vòng trong); Ủy viên, thư ký vòng ngoài	người/ngày	290
		- Bảo vệ, y tế, phục vụ, công an	người/ngày	150
		5. Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi thi		
		- Trưởng đoàn/ Tổ trưởng	người/ngày	380
		- Phó trưởng đoàn/ Tổ phó	người/ngày	340
		- Thành viên, thư ký	người/ngày	290
		6. Chi thưởng cho học sinh đạt giải Khuyến khích, chi thưởng cho giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh đạt giải Khuyến khích		
		- Giải Khuyến khích	Giải	800

Phụ lục II

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC TUYỂN SINH CÁC LỚP ĐẦU CẤP (BAO GỒM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC (NẾU CÓ)); THI THỬ, XÉT CÁC LỚP CUỐI CẤP; THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP; THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI DỰ THI CẤP QUỐC GIA; TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI DỰ THI CÁC CẤP, DỰ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI DỰ THI CẤP QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công (ĐVT: 1.000đồng)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia	Cấp xã, phường (80% cấp tỉnh)	Cấp cơ sở giáo dục (60% cấp tỉnh)
1	Ban chỉ đạo				
	- Trưởng ban	người/ngày	400	320	240
	- Phó Trưởng ban	người/ngày	380	300	230
	- Ủy viên, thư ký	người/ngày	340	290	220
	- Phục vụ	người/ngày	150	120	90
2	Hội đồng/Ban tổ chức				
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	người/ngày	380	300	230
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	340	290	220
	- Ủy viên, thư ký	người/ngày	290	270	200
3	Ban Thư ký				
	- Trưởng ban	người/ngày	380	300	230
	- Phó Trưởng ban	người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên	người/ngày	290	230	170
4	Hội đồng/Ban ra đề (đề xuất, chính thức)				
	- Chủ tịch Hội đồng/ Trưởng ban	người/ngày	380	300	230

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công (ĐVT: 1.000đồng)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia	Cấp xã, phường (80% cấp tỉnh)	Cấp cơ sở giáo dục (60% cấp tỉnh)
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	người/ngày	290	230	170
	- Công an, bảo vệ, phục vụ làm việc cách ly (vòng trong); Ủy viên, thư ký vòng ngoài	người/ngày	290	230	170
	- Phục vụ, công an, y tế, bảo vệ vòng ngoài	người/ngày	150	120	90
5	Hội đồng/Ban in sao đề				
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	người/ngày	380	300	230
	- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	người/ngày	290	230	170
	- Công an, bảo vệ, phục vụ làm việc cách ly (vòng trong); Ủy viên, thư ký vòng ngoài	người/ngày	290	230	170
	- Phục vụ, công an, y tế, bảo vệ vòng ngoài	người/ngày	150	120	90
6	Hội đồng/Ban Coi thi/Điểm thi				
	- Chủ tịch Hội đồng/ Trưởng ban/Trưởng điểm	người/ngày	380	304	228
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/ Phó Trưởng ban/ Phó Trưởng điểm	người/ngày	340	272	204
	- Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát, bộ phận kỹ thuật, công an	người/ngày	290	232	174
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế, trật tự viên	người/ngày	150	120	90
	- Lãnh đạo Hội đồng/Ban/ Điểm thi, Công an trực đêm	người/đêm	150	120	90
7	Ban/Tổ vận chuyển, bàn giao đề thi; thu bài thi, hồ sơ thi				
	- Trưởng ban/ Tổ trưởng	người/ngày	380	300	230
	- Ủy viên, thư ký, công an	người/ngày	340	270	200

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công (ĐVT: 1.000đồng)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia	Cấp xã, phường (80% cấp tỉnh)	Cấp cơ sở giáo dục (60% cấp tỉnh)
8	Ban/Tổ làm phách				
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	người/ngày	380	300	230
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó	người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên, thư ký, công an cách ly (vòng trong); Ủy viên, thư ký vòng ngoài	người/ngày	290	232	170
	- Phục vụ, y tế, công an, bảo vệ vòng ngoài	người/ngày	150	120	170
	- Công an trực đêm	người/đêm	150	120	90
9	Các Hội đồng/Ban chấm (tự luận, trắc nghiệm): Hội đồng/Ban Chấm, Hội đồng/Ban phúc khảo, Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài				
	- Chủ tịch Hội đồng/ Trưởng ban	người/ngày	380	300	230
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/ Phó Trưởng ban/Trưởng môn chấm	người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, thành viên, giám sát, công an giám sát	người/ngày	290	230	170
	- Chấm bài thi (tự luận, trắc nghiệm, tin học, bài thi/file nói được ghi âm, bài thi thực hành), chấm kiểm tra tự luận	người/ngày	530	420	320
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	người/đợt	300	240	180
	- Thư ký, công an trực đêm	người/đêm	150	120	90
	- Phục vụ, bảo vệ, y tế, công an	người/ngày	150	120	90
10	Tiền công ra đề				
	- Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi				
	+ Chủ trì (Trưởng ban/Phó Trưởng ban)	người/ngày	380	300	230
	+ Thành viên	người/ngày	340	270	200
	- Đề thi đề xuất	Đề theo phân môn	900	720	540

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công (ĐVT: 1.000đồng)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia	Cấp xã, phường (80% cấp tỉnh)	Cấp cơ sở giáo dục (60% cấp tỉnh)
	- Đề thi chính thức và dự bị (tự luận, trắc nghiệm, đề thi nói, thực hành)	người/ngày	600	480	360
	- Phân biện đề thi	người/ngày	600	480	360
11	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi các môn văn hóa				
11.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi				
	- Chủ trì	người/ngày	380	300	230
	- Thành viên	người/ngày	340	270	200
11.2	Tiền công đối với câu hỏi				
	- Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	63	50	40
	- Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	54	40	30
	- Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	45	40	30
	- Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	31	20	20
	- Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	9	7	5
11.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm				
	- Chủ trì	người/ngày	380	300	230
	- Thành viên	người/ngày	340	270	200
12	Tiền công chi cho công tác kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi thi				
	- Trưởng đoàn/Tổ trưởng	người/ngày	380	240	180
	- Phó trưởng đoàn/Tổ phó	người/ngày	340	220	170
	- Thành viên, thư ký	người/ngày	290	200	150

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công (ĐVT: 1.000đồng)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia	Cấp xã, phường (80% cấp tỉnh)	Cấp cơ sở giáo dục (60% cấp tỉnh)
13	Hội đồng/Ban tuyển sinh (nhận, kiểm tra hồ sơ tuyển sinh; xét tuyển; phê duyệt kết quả tuyển sinh) các lớp đầu cấp (bao gồm kiểm tra đánh giá năng lực (nếu có)); Hội đồng thi tuyển sinh; Hội đồng/Ban xét tuyển, phê duyệt kết quả thi tuyển sinh, xét duyệt hồ sơ và cấp giấy chứng nhận trúng tuyển lớp 10 THPT; Hội đồng/Ban xét hoàn thành chương trình tiểu học, hoàn thành chương trình tốt nghiệp trung học cơ sở				
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	người/ngày	380	300	230
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên, thư ký	người/ngày	290	230	170
14	Tiền công tập huấn, bồi dưỡng các đội tuyển dự thi kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, phường, xã (đơn vị tổ chức chi)				
	- Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	người/ngày	340	270	
	- Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Tiết	500	400	
	- Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Tiết	500	400	
	- Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Tiết	290	230	
15	Tiền ăn, giải khát giữa giờ cho học sinh tham gia tập huấn, bồi dưỡng trong đội tuyển tham dự kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, phường, xã (đơn vị tổ chức chi)				
	- Tiền ăn	người/ngày	160	128	96
	- Giải khát giữa giờ	người/buổi	50	40	30
16	Tiền giải khát giữa giờ cho học sinh dự thi kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, phường, xã (đơn vị tổ chức chi)				
	- Giải khát giữa giờ	người/buổi	50	40	30
17	Tiền ăn cho học sinh dự thi kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, phường, xã (đơn vị có học sinh tham gia dự thi chi)				
	- Tiền ăn	người/ngày	200	160	120
18	Chi thưởng cho học sinh đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi				
	- Giải Nhất	Giải	1.200	960	720

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công (ĐVT: 1.000đồng)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia	Cấp xã, phường (80% cấp tỉnh)	Cấp cơ sở giáo dục (60% cấp tỉnh)
	- Giải Nhì	Giải	900	720	540
	- Giải Ba	Giải	700	560	420
	- Giải Khuyến khích	Giải	500	400	300



Phụ lục III

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI, NGÀY HỘI, THỂ DỤC THỂ THAO, HỘI THAO GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, ĐẠI HỘI THỂ DỤC THỂ THAO, CÁC GIẢI THỂ THAO, HỘI KHỎE PHÙ ĐỒNG CÁC CẤP, ĐÁNH GIÁ DIỆN RỘNG CẤP QUỐC GIA TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất dự thảo (ĐVT 1.000đ)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia/ Khu vực/ toàn quốc	Cấp xã, phường	Cấp cơ sở giáo dục
I	CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI, NGÀY HỘI				
1	Ban Tổ chức				
	- Trưởng ban/ Chủ tịch hội đồng	người/ngày	380	300	220
	- Phó Trưởng ban/ Phó Chủ tịch hội đồng	người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên, thành viên, thư ký, hỗ trợ kỹ thuật, công an	người/ngày	290	230	170
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	người/ngày	150	120	90
2	Hội đồng/ Ban ra đề				
	- Trưởng ban/ Chủ tịch hội đồng	người/ngày	380	300	220
	- Phó Trưởng ban/ Phó Chủ tịch hội đồng	người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên, thành viên, thư ký, hỗ trợ kỹ thuật, công an	người/ngày	290	230	170
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	người/ngày	150	120	90
	- Ra đề				
	+ Trắc nghiệm	người/ngày	600	480	360
	+ Tự luận	người/ngày	600	480	360
3	Hội đồng/ Ban coi				
	- Trưởng ban / Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	380	300	220

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất dự thảo (ĐVT 1.000đ)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia/ Khu vực/ toàn quốc	Cấp xã, phường	Cấp cơ sở giáo dục
	- Phó Trưởng ban / Phó Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên, thành viên, thư ký, hỗ trợ kỹ thuật, công an	người/ngày	290	230	170
	- Giám thị coi thi	người/ngày	230	180	130
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	người/ngày	150	120	90
4	Hội đồng/ Ban chấm				
	- Trưởng ban / Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	380	300	220
	- Phó Trưởng ban / Phó Chủ tịch Hội đồng	người/ngày	340	270	200
	Giám khảo/ Cán bộ chấm				
	+ Giám khảo/ Cán bộ chấm có trình độ từ Trung cấp đến Đại học và tương đương	người/buổi	400	320	240
	+ Giám khảo/ Cán bộ chấm có trình độ Tiến sĩ và tương đương trở lên	người/buổi	1.200	960	720
	+ Giám khảo/ Cán bộ chấm có trình độ Thạc sĩ và tương đương	người/buổi	800	640	480
	- Ủy viên, thành viên, thư ký, hỗ trợ kỹ thuật, công an	người/ngày	290	230	170
	- Bảo vệ, phục vụ, y tế	người/ngày	150	120	90
5	Hỗ trợ tiền ăn và nước uống cho học sinh tham gia (hỗ trợ trong thời gian tham gia chính thức)	người/ngày	150	120	90
6	Tiền công chi cho công tác kiểm tra, giám sát trước, trong và khi kết thúc				
	- Trưởng đoàn/Tổ trưởng	người/ngày	300	240	180
	- Phó trưởng đoàn/Tổ phó	người/ngày	280	220	160
	- Thành viên, thư ký	người/ngày	250	200	150
7	Các cuộc thi, hội thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (toàn quốc)				
	- Tiền ăn luyện tập chuẩn bị tham dự	người/ngày	150	120	90

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất dự thảo (ĐVT 1.000đ)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia/ Khu vực/ toàn quốc	Cấp xã, phường	Cấp cơ sở giáo dục
	- Tiền nước uống trong thời gian tham dự	người/ngày	40	30	20
	- Tiền ăn (Tính từ ngày đi đến ngày về)	người/ngày	300	240	180
	- Tiền thuê phòng nghỉ (Tính từ ngày đi đến ngày về)	người/đêm	500	400	300
II	ĐÁNH GIÁ DIỆN RỘNG CẤP QUỐC GIA				
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	380	300	220
	- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	340	270	200
	- Ủy viên, thư ký, tổ trưởng	Người/ngày	290	230	170
	- Thành viên, tổ viên, khảo sát viên, cán bộ khảo sát, cán bộ giám sát, điều phối viên, cán bộ hỗ trợ, cán bộ kỹ thuật	Người/ngày	290	230	170
III	CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI THỂ DỤC THỂ THAO, HỘI THAO GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, ĐẠI HỘI THỂ DỤC THỂ THAO, CÁC GIẢI THỂ THAO, HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG CÁC CẤP				
1	Tổ chức				
1.1	Ban chỉ đạo				
	Trưởng ban	người/ngày	400	320	240
	Phó Trưởng ban	người/ngày	380	300	220
	Các ủy viên, thành viên, thư ký	người/ngày	360	280	210
1.2	Ban Tổ chức				
	Trưởng ban	người/ngày	380	300	220
	Phó Trưởng ban	người/ngày	340	270	200
	Các ủy viên, thành viên, thư ký	người/ngày	290	230	170
1.3	Ban Thư ký				
	Trưởng ban	người/ngày	290	230	170
	Thành viên	người/ngày	170	130	100
1.4	Các tiểu ban (chuyên môn, phục vụ, hỗ trợ và giúp việc), ban sao in, ban ra đề, ban coi thi/ Vận chuyển đề thi				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất dự thảo (ĐVT 1.000đ)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia/ Khu vực/ toàn quốc	Cấp xã, phường	Cấp cơ sở giáo dục
	Trưởng ban	người/ngày	340	270	200
	Phó Trưởng ban	người/ngày	310	240	180
	Các thành viên/ ủy viên, giám thị, thư ký, kỹ thuật, giám khảo..	người/ngày	260	200	150
	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ.	Người/ngày	100	80	60
	Chi cho cán bộ, thành viên ra đề thi trắc nghiệm	đồng/câu	30	20	10
	Chi cho cán bộ, thành viên ra đề thi tự luận	bộ đề	500	400	300
	Tiền công ra đề				
	+ Đề thi đề xuất đối với đề ti tự luận, trắc nghiệm (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi thi)	Đề/ môn	900	720	540
	+ Ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm				
	Ra đề tự luận. Đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề	Người/ngày	600	480	360
	Ra đề thực hành	Người/ngày	600	480	360
1.5	Ban Giám khảo/ Ban chấm thi				
	Trưởng ban	Người/ngày	400	320	240
	Trưởng các tiểu ban	Người/ngày	360	280	210
	Thành viên (Lý thuyết, thực hành)	Người/ngày	300	240	180
	+ Giám khảo/ Cán bộ chấm thi có trình độ từ Trung cấp đến Đại học và tương đương	người/buổi	400	320	240
	+ Cán bộ chấm thi có trình độ Thạc sĩ và tương đương	người/buổi	800	640	480
	+ Giám khảo/ Cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sĩ và tương đương trở lên	người/buổi	1200	960	720
1.3	Công tác trọng tài				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất dự thảo (ĐVT 1.000đ)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia/ Khu vực/ toàn quốc	Cấp xã, phường	Cấp cơ sở giáo dục
	Mức chi tiền ăn, bồi dưỡng, tổ chức đồng diễn, điều hành đối với thi đấu thể thao cấp tỉnh, khu vực, toàn quốc cho đối tượng là trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải đấu				
1.3.1	Tiền ăn trong quá trình tổ chức giải cho các đối tượng trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải đấu (gồm thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau khi tổ chức giải)	người/ ngày	150	120	90
1.3.2	Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ trọng tài, giám sát điều hành, thư ký, phục vụ các giải đấu				
	- Giám sát, trọng tài chính bóng đá 11 người	Người/trận	180	140	100
	- Giám sát, trọng tài chính bóng chuyền, bóng chuyền hơi, bóng rổ, bóng đá 05 - 07 người	Người/trận	80	60	40
	- Thư ký, các trọng tài khác	Người/buổi	60	40	30
	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, y tế	Người/buổi	50	40	30
1.3.3	Mức chi tổ chức đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ, thi diễn, biểu diễn, công diễn, hội diễn				
	<i>Người tập</i>				
	- Tập luyện	Người/buổi	30	20	10
	- Tổng duyệt (tối đa 02 buổi)	Người/buổi	50	40	30
	- Biểu diễn chính thức	Người/buổi	90	70	50
	<i>Giáo viên quản lý, hướng dẫn</i>	Người/buổi	60	40	30
1.4	Nước uống cho VĐV, HLV tập luyện và thi đấu và biểu diễn	Người/buổi	20	10	10

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất dự thảo (ĐVT 1.000đ)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia/ Khu vực/ toàn quốc	Cấp xã, phường	Cấp cơ sở giáo dục
2	Chế độ dinh dưỡng (tiền ăn) và ở cho huấn luyện viên (HLV), vận động viên (VĐV)				
2.1	Tham gia trong tỉnh				
2.1.1	Tập luyện, tập huấn				
	Chế độ dinh dưỡng (tiền ăn) cho HLV, VĐV	người/ngày	130	100	70
	Tiền ở cho HLV, VĐV	người/đêm	300	240	180
2.1.2	Thi đấu				
	Chế độ dinh dưỡng (tiền ăn) cho HLV, VĐV	người/ngày	220	170	130
	Tiền ở cho HLV, VĐV	người/đêm	300	240	180
2.2	Tham gia thi khu vực và toàn quốc				
2.2.1	Tập luyện, Tập huấn				
	Chế độ dinh dưỡng (tiền ăn) cho HLV, VĐV	người/ngày	150	120	90
	Tiền ở cho HLV, VĐV	người/đêm	500	400	300
2.2.2	Thi đấu				
	Chế độ dinh dưỡng (tiền ăn) cho HLV, VĐV	người/ngày	300	240	180
	Tiền ở cho HLV, VĐV tại thành phố trực thuộc Trung ương	người/đêm	600	480	360
	Tiền ở cho HLV, VĐV tại các tỉnh còn lại (kể cả trong tỉnh)	người/đêm	600	480	360
IV	MỨC CHI KHEN THƯỞNG				
1	Các cuộc thi, hội thi, kỳ thi, ngày hội				
1.1	Chi khen thưởng cho giáo viên				
	<i>Giáo viên dạy giỏi, tổng phụ trách giỏi, chủ nhiệm giỏi</i>				
	- Đạt giải	người/ giải	1.000	800	600

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất dự thảo (ĐVT 1.000đ)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia/ Khu vực/ toàn quốc	Cấp xã, phường	Cấp cơ sở giáo dục
	<i>Các kỳ thi, hội thi, cuộc thi: đồ dùng dạy học tự làm, xây dựng thiết bị dạy học số và hội thi, cuộc thi phong trào được cấp thẩm quyền quyết định</i>				
	<i>Cá nhân:</i>				
	- Giải nhất	người/giải	800	640	480
	- Giải nhì	người/giải	600	480	360
	- Giải ba	người/giải	500	400	300
	- Giải khuyến khích/ Giải tư	người/giải	400	320	240
	<i>Tập thể:</i>				
	- Giải nhất	tập thể/giải	1.400	1120	840
	- Giải nhì	tập thể/giải	1.200	960	720
	- Giải ba	tập thể/giải	1.000	800	600
	- Giải khuyến khích/ Giải tư	tập thể/giải	800	640	480
1.2	Chi khen thưởng cho trẻ em, học sinh, học viên				
	<i>Cá nhân:</i>				
	- Giải nhất	người/giải	800	640	480
	- Giải nhì	người/giải	600	480	360
	- Giải ba	người/giải	500	400	300
	- Giải khuyến khích/ Giải tư	người/giải	400	320	240
	<i>Tập thể:</i>				
	- Giải nhất	tập thể/giải	1.600	1280	960
	- Giải nhì	tập thể/giải	1.200	960	720
	- Giải ba	tập thể/giải	1.000	800	600
	- Giải khuyến khích/ Giải tư	tập thể/giải	800	640	480
1.3	Chi khen thưởng ý tưởng khởi nghiệp, toàn đoàn				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất dự thảo (ĐVT 1.000đ)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia/ Khu vực/ toàn quốc	Cấp xã, phường	Cấp cơ sở giáo dục
	- Giải Đặc biệt	giải	6.000	4800	3600
	- Giải nhất	giải	4.500	3600	2700
	- Giải nhì	giải	3.000	2400	1800
	- Giải ba	giải	2.400	1920	1440
	- Giải khuyến khích/ Giải tư	giải	1.500	1200	900
2	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi Thể dục thể thao, Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh, Đại hội Thể dục thể thao, các giải thể thao, Hội khỏe Phù Đổng các cấp				
2.1	Giải đơn/ cá nhân				
	- Hạng nhất/ Giải nhất/ Huy chương vàng	Giải	400	320	240
	- Hạng nhì/ Giải nhì/ Huy chương bạc	Giải	300	240	180
	- Hạng ba/ Giải ba/ Huy chương đồng	Giải	200	160	120
2.2	Giải đồng đội/ tập thể				
	- Hạng nhất/ Giải nhất/ Huy chương vàng	Giải	800	640	480
	- Hạng nhì/ Giải nhì/ Huy chương bạc	Giải	700	560	420
	- Hạng ba/ Giải ba/ Huy chương đồng	Giải	600	480	360
2.3	Giải đôi, tam				
	- Hạng nhất/ Giải nhất/ Huy chương vàng	Giải	600	480	360
	- Hạng nhì/ Giải nhì/ Huy chương bạc	Giải	500	400	300
	- Hạng ba/ Giải ba/ Huy chương đồng	Giải	400	320	240
2.4	Môn thể thao tập thể: bóng đá 7 người và 11 người				
	- Hạng nhất/ Giải nhất/ Huy chương vàng	Giải	2.000	1600	1200
	- Hạng nhì/ Giải nhì/ Huy chương bạc	Giải	1.500	1200	900

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi/ Tiền công đề xuất dự thảo (ĐVT 1.000đ)		
			Cấp tỉnh/ Quốc gia/ Khu vực/ toàn quốc	Cấp xã, phường	Cấp cơ sở giáo dục
	- Hạng ba/ Giải ba/ Huy chương đồng	Giải	1.000	800	600
2.5	Giải toàn đoàn				
	- Giải nhất toàn đoàn/ Hạng nhất toàn đoàn	Giải	3.000	2400	1800
	- Giải nhì toàn đoàn/ Hạng nhì toàn đoàn	Giải	2.500	2000	1500
	- Giải ba toàn đoàn/ Hạng ba toàn đoàn	Giải	2.000	1600	1200
	- Đơn vị tổ chức tốt	Giải	2.500	2000	1500
2.4	Huấn luyện viên, giáo viên hướng dẫn, huấn luyện				
	- Huấn luyện viên, giáo viên hướng dẫn, huấn luyện trực tiếp:	Mức thưởng chung bằng 60% mức thưởng của nội dung vận động viên đạt giải			
	- Huấn luyện viên, giáo viên hướng dẫn, huấn luyện gián tiếp:	Mức thưởng chung bằng 40% mức thưởng của nội dung vận động viên đạt giải			